

Market Today: Dòng tiền phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu

06/08/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNXI	UPCOM
<b>Điểm</b>	960.2	105.6	50.7
% ngày	0.07	-0.61	0.19
% tuần	1.11	-1.08	0.87
% tháng	4.66	4.87	2.17
% năm	21.75	3.59	-8.99
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,754.22	567.38	266.28
Hôm qua	3,768.32	558.07	271.69
TB 1 tháng	3,170.36	504.93	176.83
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	1,024.11	43.50	44.15
Bán	1,412.89	17.63	22.42
Giá trị ròng	(388.78)	25.87	21.73
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	108	50	68
Mã Giảm	148	89	68
Không Đổi	97	245	598
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.1x	10.8x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,051	200	841
LS Cổ tức	2.00	2.71	4.04

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực từ TTCK châu Á, TTCK Việt Nam liên tục xuất hiện các nhịp rung lắc khá mạnh khi các dòng mang tính thị trường cao như ngân hàng, bất động sản, chứng khoán... lại có giao dịch không mấy khả quan trong phiên. Nhờ sự hỗ trợ của những mã cổ phiếu trụ như GAS, MSN, VCB, VRE, PLX... đã giúp cho chỉ số VN-Index không giảm sâu và đóng cửa ở mức 960 điểm. Còn chỉ số HNX-Index giảm 0.6% còn 105.6 điểm.

Phần lớn cổ phiếu ngân hàng đều giảm điểm hoặc giữ giá tham chiếu ở thời điểm kết phiên. Số ít mã tăng điểm trong nhóm ngân hàng như STB, VCB, BID, EIB. Nhóm cổ phiếu bluechips cũng giao dịch bất đồng với phần lớn mã giảm điểm như REE, SBT, SSI, VNM...

Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 300 tỷ đồng trên cả thị trường. Nếu tính riêng trên sàn HSX thì lượng bán ròng lên đến gần 390 tỷ đồng. Những cổ phiếu mua, bán ròng với lượng lớn tập trung vào:

Mã CK	Giá trị Mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
<b>GAS</b>	36,609	<b>VIC</b>	(258,949)
<b>MSN</b>	14,192	<b>VNM</b>	(73,975)
<b>HDB</b>	12,554	<b>GTN</b>	(71,034)
<b>SSI</b>	12,548	<b>DHG</b>	(24,456)
<b>HPG</b>	10,936	<b>VHM</b>	(14,669)

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

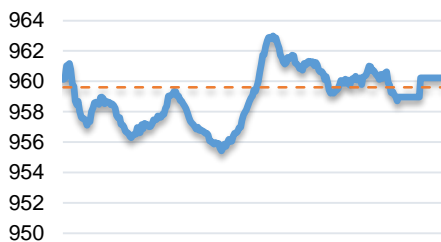
Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục giằng co quanh đường trung bình 50 ngày của chỉ số VN-Index (tức là mức 960 điểm) và nhóm cổ phiếu dầu khí có thể sẽ tiếp tục dẫn dắt đà tăng của thị trường trong vài phiên tới. Đồng thời, thị trường vẫn có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu khi chỉ số VN-Index vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực với sự dẫn dắt ở nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí, còn chỉ số HNX-Index vẫn đang trong giai đoạn tích lũy với biên độ hẹp cho nên các nhà đầu tư vẫn nên chú ý vào sự dịch chuyển của dòng tiền giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức cao và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì ở mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 931.23 điểm của chỉ số VN-Index và 101.31 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

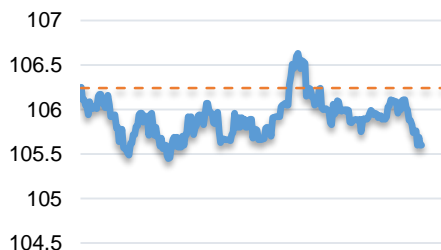
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 66% cổ phiếu/34% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

VNINDEX



HNX INDEX





We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.95	GIẢM	GIẢM		18.17				20.84		
ACB	35.20	TĂNG	GIẢM	35.60	32.43	-1.12%			41.80		
ACV	88.00	TĂNG	GIẢM	84.50	81.26	4.14%			95.72		
BFC	26.00	TĂNG	GIẢM	27.00	24.61	-3.70%			28.97		
BHN	83.80	GIẢM	GIẢM		91.26				111.39		
BID	26.85	TĂNG	GIẢM	25.80	24.19	4.07%			31.14		
BMP	55.80	TĂNG	GIẢM	57.60	54.27	-3.13%			63.44		
BSR	18.00	TĂNG	GIẢM	15.80	16.19	13.92%			19.99		
BVH	76.00	TĂNG	GIẢM	78.00	71.54	-2.56%			91.06		
BWE	17.30	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	-2.26%			19.20		
CEO	12.40	TĂNG	GIẢM	13.40	11.84	-7.46%			15.97		
CHP	23.70	TĂNG	TĂNG	23.50	22.90	0.85%		23.50	21.65	0.85%	
CSM	13.90	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-3.41%	
CTD	156.50	TĂNG	TĂNG	149.50	152.64	4.68%		161.20	128.22	-2.92%	
CTG	22.85	TĂNG	GIẢM	24.00	22.35	-4.79%			28.07		
CTI	29.70	TĂNG	GIẢM	29.60	28.63	0.34%			33.12		
CVT	25.80	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-0.19%			29.58		
DGW	23.00	TĂNG	GIẢM	23.90	21.72	-3.77%			26.51		
DHA	27.70	TĂNG	GIẢM	28.00	26.02	-1.07%			28.49		
DHC	38.20	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	102.00	GIẢM	TĂNG		103.16			114.49	95.93	-10.91%	
DPG	42.40	TĂNG	GIẢM	40.90	39.06	3.67%			50.13		
DPM	18.45	TĂNG	GIẢM	17.70	17.42	4.24%			18.72		
DPR	38.80	GIẢM	GIẢM		39.34				41.25		
DQC	29.95	GIẢM	GIẢM		31.80				34.94		
DRC	23.90	GIẢM	TĂNG		24.64			24.30	18.94	-1.65%	
DXG	26.30	TĂNG	GIẢM	23.75	23.93	10.74%			29.38		
ELC	9.18	GIẢM	GIẢM		9.43				11.21		
FCN	15.60	GIẢM	TĂNG		16.50			17.70	13.88	-11.86%	
FIT	4.29	GIẢM	GIẢM		4.76				5.21		
FMC	22.25	TĂNG	GIẢM	21.20	19.99	4.95%			23.95		
FPT	42.25	TĂNG	GIẢM	42.90	40.89	-1.52%			46.52		
GAS	96.10	TĂNG	GIẢM	86.90	86.43	10.59%			103.15		
GIL	45.95	TĂNG	TĂNG	41.65	42.01	10.32%		34.90	40.00	31.66%	
GMD	25.30	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	-0.39%			28.65		
GTN	12.65	TĂNG	TĂNG	9.20	10.61	37.50%		11.20	8.82	12.95%	
HAG	7.23	TĂNG	TĂNG	5.01	6.75	44.31%		6.19	5.33	16.80%	
HAX	15.75	GIẢM	GIẢM		17.04				18.67		



We Create Fortune

HBC	22.00	GIẢM	GIẢM		22.61				27.24		
HDB	35.85	TĂNG	GIẢM	35.75	33.32	0.28%			42.35		
HNG	16.85	TĂNG	TĂNG	8.36	15.34	101.56%		8.20	12.95	105.49%	
HPG	36.15	TĂNG	GIẢM	37.20	35.35	-2.82%			42.50		
HSG	10.45	GIẢM	GIẢM	11.55	10.50	-9.07%	BÁN		13.38		
HT1	11.75	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	0.00%			12.91		
HUT	5.40	TĂNG	GIẢM	5.80	5.21	-6.90%			6.72		
HVN	37.30	TĂNG	GIẢM	33.00	35.41	13.03%			39.08		
ITD	11.40	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-8.06%	
KBC	11.60	TĂNG	GIẢM	12.10	11.43	-4.13%			13.24		
KDH	30.00	TĂNG	GIẢM	30.90	29.82	-2.91%			33.78		
KSB	33.00	TĂNG	GIẢM	33.55	31.34	-1.64%			37.17		
LCG	9.74	TĂNG	GIẢM	9.46	9.21	2.96%			10.06		
LDG	14.70	TĂNG	GIẢM	12.05	13.31	21.99%			15.06		
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		41.88				45.17		
LPB	9.30	GIẢM	GIẢM		10.45				13.11		
LSS	6.66	GIẢM	GIẢM		7.15				8.24		
MSN	87.40	TĂNG	GIẢM	79.10	80.08	10.49%			90.22		
MWG	111.00	TĂNG	TĂNG	112.00	108.83	-0.89%		121.00	104.78	-8.26%	
NKG	13.20	GIẢM	GIẢM		14.67				17.58		
NLG	29.90	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	0.34%			31.83		
NT2	27.10	GIẢM	GIẢM		27.47				28.69		
NTL	9.75	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.80%		10.45	8.94	-6.70%	
NTP	44.70	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	38.20	GIẢM	GIẢM	42.50	38.47	-9.48%	BÁN		42.18		
PC1	31.25	TĂNG	GIẢM	32.30	30.96	-3.25%			34.50		
PDR	25.20	GIẢM	GIẢM		26.32				29.57		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.68		
PHR	23.35	TĂNG	GIẢM	21.90	22.56	6.62%			23.77		
PLX	63.90	TĂNG	GIẢM	60.50	58.97	5.62%			67.88		
PNJ	93.50	TĂNG	GIẢM	90.30	89.07	3.54%			103.44		
POW	13.30	TĂNG	GIẢM	13.00	12.28	2.31%			13.91		
PPC	18.20	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.62%			19.21		
PTB	55.50	GIẢM	TĂNG		62.39			64.00	53.16	-13.28%	
PVD	14.80	TĂNG	GIẢM	13.00	13.55	13.85%			16.34		
PVI	29.00	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-3.01%			33.76		
PVS	18.80	TĂNG	GIẢM	17.00	16.79	10.59%			20.82		
PXS	5.63	TĂNG	GIẢM	5.00	4.75	12.60%			5.90		
RAL	90.00	TĂNG	GIẢM	91.00	84.37	-1.10%			102.96		
REE	33.50	TĂNG	GIẢM	32.80	33.48	2.13%			34.97		
SAB	199.00	GIẢM	GIẢM		212.07				239.60		
SAM	7.30	TĂNG	GIẢM	7.00	6.89	4.29%			7.59		
SBV	27.50	TĂNG	GIẢM	27.00	26.66	1.85%			29.35		



We Create Fortune

SCR	8.76	GIẢM	GIẢM	8.75	8.80	0.55%	BÁN		10.30		
SHI	6.00	GIẢM	TĂNG		6.68			6.99	5.88	-14.16%	
SJS	20.80	TĂNG	GIẢM	19.70	18.82	5.58%			21.87		
SKG	21.80	TĂNG	TĂNG	20.05	19.74	8.73%			21.27		
SSI	28.60	GIẢM	GIẢM		29.51				34.19		
STB	11.15	TĂNG	GIẢM	11.20	10.75	-0.45%			12.71		
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCM	18.90	TĂNG	GIẢM	17.80	17.82	6.18%			20.79		
TDH	11.55	GIẢM	GIẢM		12.39				13.95		
TLH	7.40	GIẢM	GIẢM		7.86				8.94		
TMT	5.81	TĂNG	GIẢM	5.61	5.26	3.57%			7.28		
TNG	11.40	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	5.56%			11.90		
TYA	10.45	GIẢM	GIẢM		11.15				12.63		
VCB	59.00	TĂNG	GIẢM	57.50	55.30	2.61%			64.41		
VFG	36.00	GIẢM	TĂNG		40.14			34.39	33.47	4.67%	
VGC	18.00	GIẢM	GIẢM		19.25				22.65		
VHM	109.00	GIẢM	TĂNG		112.34						
VIB	26.70	TĂNG	GIẢM	27.60	25.83	-3.26%			30.67		
VIC	111.50	TĂNG	TĂNG	111.50	104.30	0.00%		111.50	109.53	0.00%	MUA
VIP	7.10	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	2.16%			7.29		
VJC	147.90	TĂNG	GIẢM	144.50	136.81	2.35%			154.12		
VNM	159.90	GIẢM	GIẢM		168.69				184.77		
VPB	26.15	GIẢM	GIẢM		28.85				33.19		
VRC	20.20	TĂNG	TĂNG	17.75	19.45	13.80%		19.35	14.87	4.39%	
VRE	42.00	TĂNG	GIẢM	40.40	38.75	3.96%			44.98		
VSC	39.30	TĂNG	TĂNG	35.50	36.63	10.70%		35.30	29.50	11.33%	
VSH	17.85	TĂNG	TĂNG	17.20	17.27	3.78%		17.40	16.36	2.59%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	960.23	0.07
VN30	939.84	(0.14)
VN Mid	996.59	(0.07)
VN Small	801.63	(0.19)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1,024.11	
Bán	1,412.89	
GT rỗng	(388.78)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FMC	1,450	7.0%
DCM	700	6.8%
GTN	800	6.8%
FLC	360	6.0%
TNI	550	5.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QCG	(640)	-7.0%
IDI	(700)	-5.7%
HSG	(400)	-3.7%
ITA	(100)	-3.5%
VRC	(700)	-3.3%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	355,866	
VHM	292,078	
VNM	232,054	
VCB	212,268	
GAS	183,931	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	15.42	13.93
GTN	10.43	1.60
HAG	8.73	11.56
PVD	5.02	1.47
HPG	4.65	5.17

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	105.60	(0.61)
HN30	189.86	(0.91)
VNX AllSh	1,346.00	(0.29)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	43.50	
Bán	17.63	
GT rỗng	25.87	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIX	300	4.6%
TTB	800	3.5%
NVB	100	1.5%
DGL	300	0.8%
VGC	100	0.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	(500)	-3.5%
CEO	(400)	-3.1%
SHS	(400)	-2.9%
VCG	(400)	-2.3%
HUT	(100)	-1.8%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,174	
VCS	13,680	
SHB	9,505	
PVS	8,398	
VGC	8,070	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	6.09	4.66
SHB	4.50	5.79
KLF	2.82	2.37
ACB	2.38	5.17
MST	2.01	0.85

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	50.72	0.19

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	44.15	
Bán	22.42	
GT rỗng	21.73	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	1,300	9.2%
SDI	3,700	6.5%
ACV	3,000	3.5%
MSR	700	3.2%
VGT	200	2.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVN	(1,100)	-2.9%
MPC	(1,100)	-2.7%
OIL	(200)	-1.3%
LPB	(100)	-1.1%
BSR	(100)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	191,587	
BSR	55,809	
MCH	50,385	
HVN	46,600	
GVR	32,800	

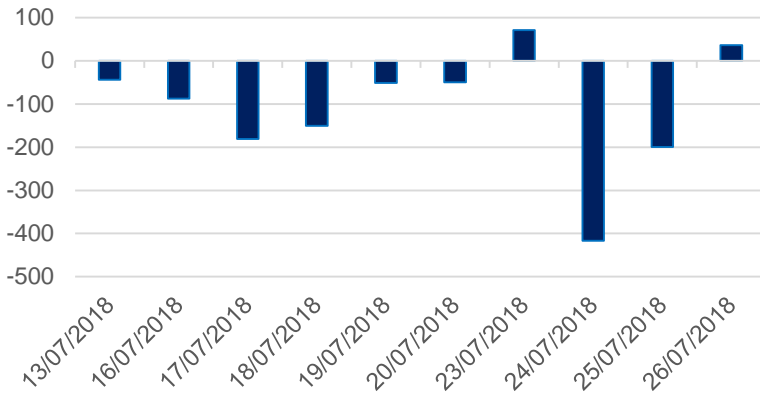
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	3.16	1.47
LPB	2.40	1.86
DVN	1.25	0.15
OIL	0.88	0.82
ART	0.86	2.02

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

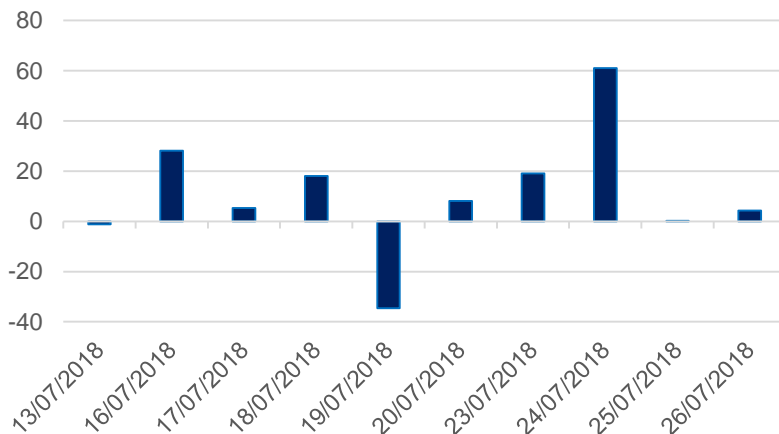
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>GAS</b>	36,609	<b>VIC</b>	(258,949)
<b>MSN</b>	14,192	<b>VNM</b>	(73,975)
<b>HDB</b>	12,554	<b>GTN</b>	(71,034)
<b>SSI</b>	12,548	<b>DHG</b>	(24,456)
<b>HPG</b>	10,936	<b>VHM</b>	(14,669)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

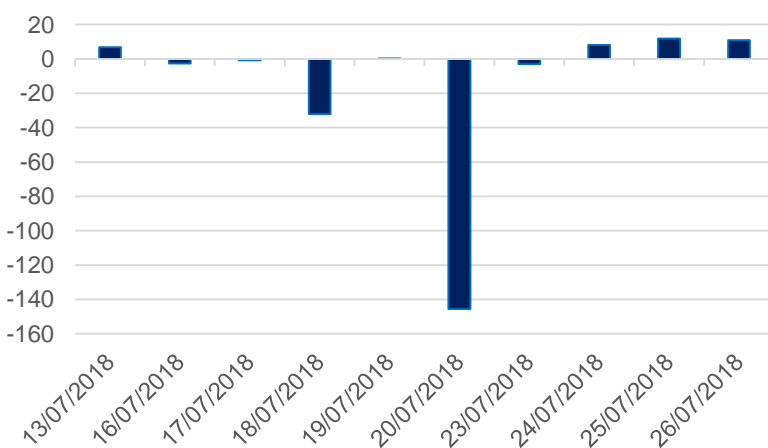
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>PVS</b>	13,656	<b>DGC</b>	(375)
<b>SHB</b>	10,504	<b>PVC</b>	(119)
<b>VGC</b>	913	<b>ATS</b>	(56)
<b>DGL</b>	253	<b>NHA</b>	(24)
<b>KSD</b>	192	<b>VNC</b>	(9)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>VEA</b>	28,274	<b>BSR</b>	(12,348)
<b>ACV</b>	5,765	<b>VGT</b>	(5,473)
<b>QNS</b>	3,176	<b>OIL</b>	(1,337)
<b>HVN</b>	2,713	<b>SDV</b>	(34)
<b>POW</b>	389	<b>MSR</b>	(18)

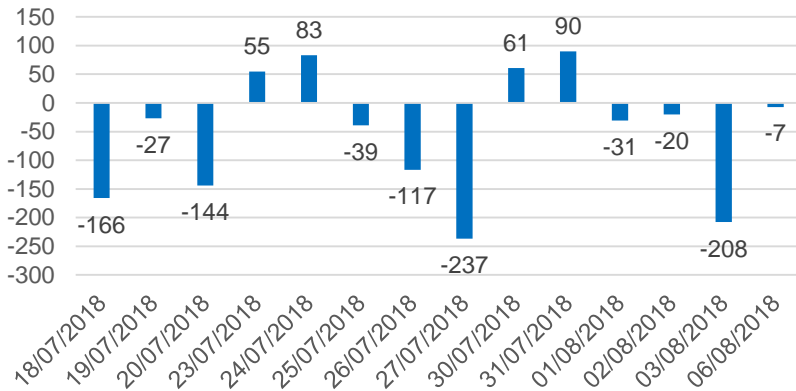
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

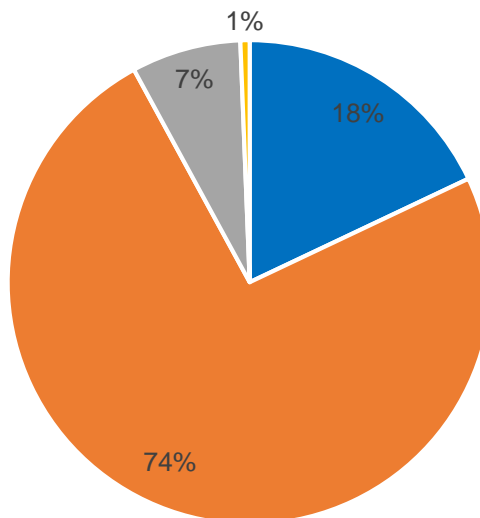


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>CTD</b>	13,167	<b>HPG</b>	15,002
<b>VIC</b>	12,610	<b>MBB</b>	14,382
<b>DPM</b>	5,110	<b>CVT</b>	11,429
<b>MBB</b>	4,021	<b>HDB</b>	4,031
<b>HPG</b>	3,590	<b>VIC</b>	2,503

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



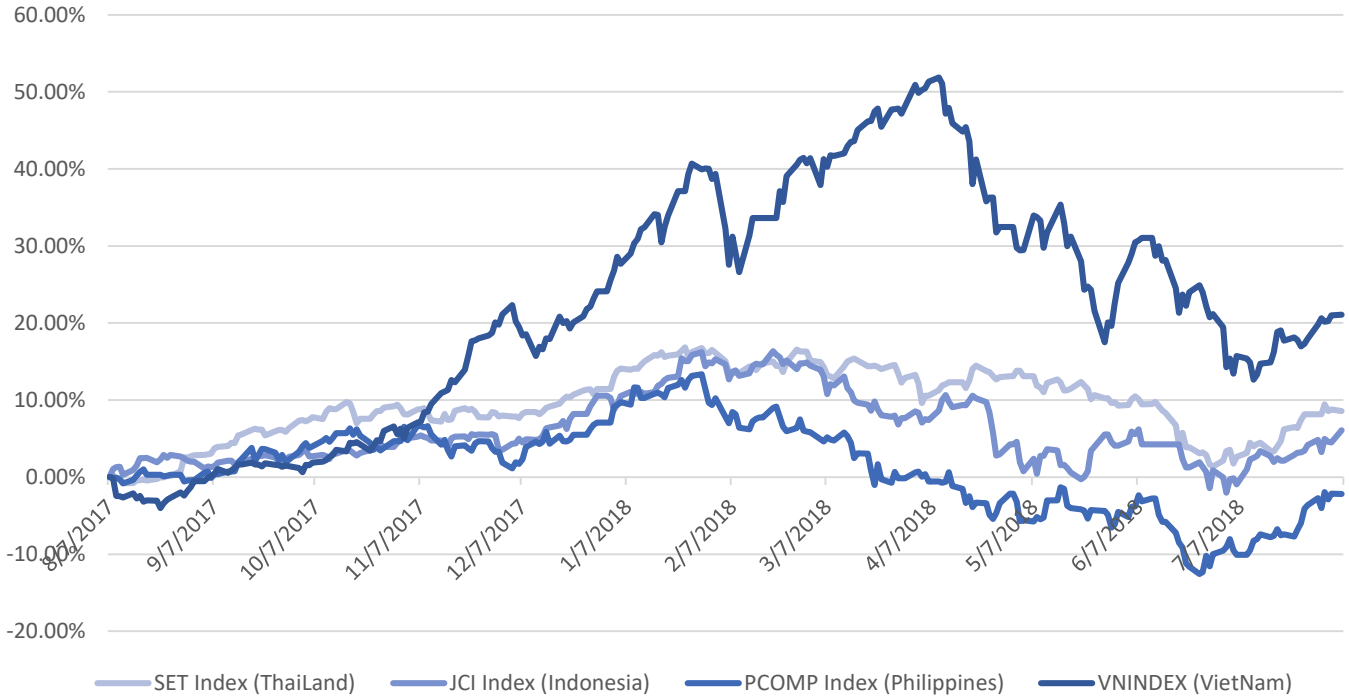
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

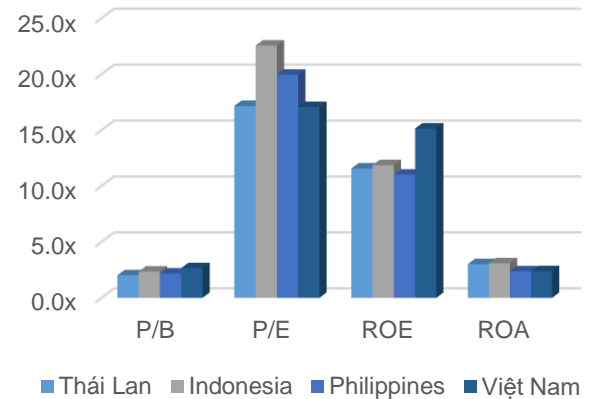
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.4x	2.2x	2.7x
P/E		17.2x	22.6x	20.0x	17.1x
ROE	%	11.57	11.87	11.03	15.14
ROA	%	3.02	3.10	2.38	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	518.32	469.19	184.13	130.90
GTGD	Triệu USD	1.17	0.38	0.07	0.16
LS cổ tức	%	3.03	2.24	1.60	2.00

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written